

Bản án số: 108/2017/HS-ST

Ngày 25-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Hương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Hặc.
2. Ông Trần Quốc Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Cà Thị Giang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 92/2017/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn A (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 21/5/1991 tại Yên Bái; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hoá: 10/12; Con ông Lò Văn H, sinh năm 1962; Con bà Lò Thị N, sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2016 đến nay, có mặt tại phiên toà.

2. Lương Văn B (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày 13/5/1989 tại Yên Bái; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: bản N, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông Lương

Văn P (*đã chết*); Con bà Tòng Thị Đ, sinh năm 1969; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Quàng Văn T, trú tại bản G, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La, vắng mặt tại phiên tòa (*có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 08/12/2016, Lò Văn A một mình đi bộ đến khu vực sân vận động tỉnh Sơn La thuộc khu vực bản G, phường Q, thành phố S thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 26B1-169.68 của ông Quàng Văn T, trú tại tổ 3, phường Q đang dựng trên vỉa hè, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện. Quan sát không thấy ai trông giữ, A nảy sinh ý định chiếm đoạt, A dắt xe xuống đường khởi động rồi điều khiển theo hướng từ thành phố S, qua huyện Phù Yên, đi về tỉnh Yên Bái mục đích bán lấy tiền để tiêu xài. Khoảng 07 giờ ngày 09/12/2016, A gọi điện cho Lường Văn B nói chuyện về việc trộm được chiếc xe máy và rủ B đi bán, B đồng ý. Sau đó B đi xe máy của gia đình đến gặp A, mỗi người điều khiển 01 xe và đi về hướng huyện T, tỉnh Yên Bái. Trên đường đi, B bảo A dừng lại và lấy còi có sẵn trong xe máy của mình tháo biển kiểm soát chiếc xe của A vừa trộm được, cắt vào cốp xe để tránh bị phát hiện. Cả hai điều khiển xe đi tìm chỗ tiêu thụ. Khi đi đến cửa hàng xe máy của anh Hoàng Văn T ở bản Đ, xã N, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái để bán, song do không có giấy tờ xe và không có biển kiểm soát nên anh T không mua. Do không tìm được chỗ bán xe, nên B dẫn A về nhà B rồi tháo 02 gương chiếu hậu của xe A chiếm đoạt giấu dưới đồng củi nhà B và giấu biển kiểm soát gần bể nước của gia đình B. Cả hai sử dụng chiếc xe đó để đi lại và tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy khác tại thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái thì bị cơ quan cảnh sát điều tra huyện T, tỉnh Yên Bái bắt giữ (*Đã xét xử ngày 26/4/2017*) và thu hồi được chiếc xe mô tô do A trộm cắp tại thành phố Sơn La, thu giữ được 02 gương chiếu hậu, 02 yếm, 01 còi màu bạc và bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận số 09/KL-HĐ ngày 15/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu

HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 26B1-169.68 có trị giá 22.000.000^d (Hai mươi hai triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Quảng Văn T đã nhận lại chiếc xe mô tô, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 50/KSĐT ngày 13 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Lò Văn A về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Lường Văn B về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn A, Lường Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn A phạm tội Trộm cắp tài sản, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn A từ 15 tháng đến 20 tháng tù; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lường Văn B phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lường Văn B từ 14 tháng đến 20 tháng tù; Đề nghị tổng hợp hình phạt tại Bản án số 09/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái đối với cả hai bị cáo theo Điều 51 Bộ luật Hình sự. Chấp nhận cơ quan điều tra Công an thành phố Sơn La đã trả cho ông Quảng Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 26B1-169.68, 02 gương chiếu hậu, 02 yếm xe. Chấp nhận ông Quảng Văn T không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 138 và khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự do các bị cáo là người mắc nghiện ma túy, thu nhập thấp, gia đình bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tuyên tiêu tiêu huỷ 01 chiếc cờ lê màu bạc; Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo pháp luật.

Ý kiến của hai bị cáo Lò Văn A và Lường Văn B đều nhất trí như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên tòa. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào Nghị án, các bị cáo đều có ý kiến xin được hưởng mức án thấp nhất trong khung hình phạt, để sớm được trở về, tái hòa nhập cộng đồng xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo:

Vào tối ngày 08/12/2016, tại tổ 3, phường Q, Thành phố S, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, Lò Văn A đã lén lút chiếm đoạt của ông Quảng Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HOND AIRBLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 26-169.68 có trị giá 22.000.000^d (*Hai mươi hai triệu đồng*) mục đích bán lấy tiền tiêu xài.

Đối với Lương Văn B, mặc dù biết rõ Lò Văn A trộm cắp chiếc xe mô tô của người khác nhưng đã giúp A mang xe đi bán. Khi không bán được xe đã chủ động tháo biển kiểm soát và gương chiếu hậu cất giấu tại nơi ở của mình nhằm tránh bị các cơ quan chức năng phát hiện, sau đó cùng A sử dụng chiếc xe đến khi bị bắt giữ.

Hành vi nêu trên của Lò Văn A đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự; Hành vi nêu trên của Lương Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự, như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

2...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”.

Tại điều 250 Bộ luật Hình sự quy định:

1." Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

2...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này”.

Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo với trị giá tài sản bị chiếm đoạt không lớn, mục đích chiếm đoạt là để bán lấy tiền tiêu xài cho bản thân, do các bị cáo là người đang bị mắc nghiện ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng cố tình thực hiện. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, tuy nhiên ngày 26/4/2017, bị cáo Lò Văn A còn bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt là 12 tháng tù và Lương Văn B bị xử phạt là 15 tháng tù cùng về tội Trộm cắp tài sản. Xét hành vi phạm tội của hai bị cáo xảy ra trước nhưng Tòa án thành phố S xét xử sau, hành vi phạm tội của hai bị cáo xảy ra sau thì Tòa án nhân dân huyện T xét xử trước, nên không coi các bị cáo đã có tiền án, nhưng có nhân thân xấu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần áp dụng khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để lên mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, giáo dục và phòng ngừa chung. Cần tổng hợp hình phạt tại bản án số 09/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái đối với cả hai bị cáo theo Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội.

[4] Ngoài hình phạt chính là phạt tù, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 138, khoản 5 Điều 250 Bộ luật

Hình sự. Song, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án và bồi thường thiệt hại: Chấp nhận cơ qua điều tra Công an thành phố S đã trả cho ông Quàng Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu đỏ đen, biển kiểm soát 26B1-169.68, 02 gương chiếu hậu, 02 yếm. Chấp nhận ông Quàng Văn T không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tuyên tiêu tiêu huỷ 01 chiếc cò lê màu bạc.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Lương Văn B phạm tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn A 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại bản án số 09/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo Lò Văn A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (*Ngày 17/12/2016*).

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn B 14 (*Mười bốn*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù tại Bản án số 09/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái, buộc bị cáo Lương Văn B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 29 (*Hai mươi chín*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ tạm giam (*Ngày 17/12/2016*).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cò lê kim loại màu bạc, trên cò lê ở giữa

có ký hiệu ATC, một đầu có ký hiệu số 10, một đầu ký hiệu số 12 đã qua sử dụng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/5/2017 giữa Công an thành phố S và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sơn La.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lò Văn A và Lường Văn B mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (*Hai trăm ngàn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Lò Văn A, Lường Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại ông Quàng Văn T (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh S;
- VKSND thành phố S;
- CA thành phố S;
- Trại giam Công an tỉnh S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- THAPT;
- Sở Tư pháp tỉnh S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Hương